

Số: 1719/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 10 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án “Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 15 (đoạn từ cầu
Đa Hòa 1 đến Bãi Vàng), huyện Châu Thành”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 3613/STNMT-QLMT ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Giám
đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo
đánh giá tác động môi trường của dự án “Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 15
(đoạn từ cầu Đa Hòa 1 đến Bãi Vàng), huyện Châu Thành”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
521/TTr-STNMT ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường
về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 15 (đoạn từ cầu Đa Hòa 1 đến Bãi Vàng),
huyện Châu Thành”.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 15 (đoạn từ cầu Đa Hòa 1 đến Bãi Vàng), huyện Châu Thành” (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Trà Vinh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, GTVT, NN&PTNT, TN&MT, XD;
- UBND huyện Châu Thành;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN, *phong 03*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

3

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG HUYỆN 15 (ĐOẠN TỪ
CẦU ĐA HÒA 1 ĐẾN BÃI VÀNG), HUYỆN CHÂU THÀNH”**
(Kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 15 (đoạn từ cầu Đa Hòa 1 đến Bãi Vàng), huyện Châu Thành.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Chủ dự án: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Trà Vinh (địa chỉ: Số 377, đường Phạm Ngũ Lão, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 08/11/2021.

1.2. Quy mô, công suất

- Nhóm dự án: Dự án Nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

- Tổng chiều dài: khoảng 4,25km (điểm đầu giáp cầu Đa Hòa 1, điểm cuối giao với đường nhựa dọc bờ kè Bãi Vàng).

- Quy mô chiếm dụng đất: 4,1 ha.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

a) Phần đường

- Đoạn từ đầu công trình đến nút giao với Đường tỉnh 915B, quy mô đường cấp IV đồng bằng; chiều rộng nền đường 9,0m; chiều rộng mặt đường 7,0m; chiều rộng lề đường $1,0 \times 2m = 2,0m$ (trong đó chiều rộng lề gia cố $0,5m \times 2 = 1,0m$); kết cấu mặt đường láng nhựa; chiều dài 1.226,01m.

- Đoạn từ nút giao với đường tỉnh 915B đến cuối công trình, quy mô đường cấp V đồng bằng; chiều rộng nền đường 7,5m; chiều rộng mặt đường 5,5m; chiều rộng lề đường $1,0 \times 2m = 2,0m$; kết cấu mặt đường láng nhựa; chiều dài 3.014,186m.

- Đoạn nhánh vượt nối tiếp giáp bên phà Bãi Vàng (điểm đầu giao với tuyến chính; điểm cuối tiếp giáp bên phà Bãi Vàng): Chiều dài 218m; chiều rộng nền đường 7,5m; chiều rộng mặt đường 5,5m, độ dốc ngang 3%; chiều rộng lề phía bên phải 1,0m, độ dốc ngang 4%; độ dốc taluy: mái đắp = 1/1,5; mái đào = 1/1.

b) Phần công

Bố trí nối dài các cống thoát nước ngang đường hiện hữu đảm bảo phù hợp với chiều rộng nền đường và xây dựng hệ thống thoát nước dọc tại các khu vực đông dân cư.

c) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

a) Bồi thường, giải phóng mặt bằng: Tổng diện tích bồi thường, giải phóng mặt bằng 9.261,5 m² (đoạn từ đầu công trình đến Đường tỉnh 915B (phạm vi 13m); đoạn từ Đường tỉnh 915B đến cuối công trình (bám theo nền hiện hữu, trừ một số đoạn bố trí hệ thống cống thoát nước dọc hai bên tuyến cần phải giải phóng mặt bằng thêm đảm bảo đủ phạm vi thi công công trình). Chủ dự án phối hợp địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

b) Thi công xây dựng: Tổ chức thi công các hạng mục công trình của Dự án gồm phần đường, phần cống và hệ thống an toàn giao thông.

c) Đưa Dự án vào vận hành: Nghiệm thu, bàn giao và vận hành.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Theo khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai (quy mô 0,8 ha đất chuyên trồng lúa nước, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh thông qua việc chuyển mục đích đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích khác tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2021).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Dự án thuộc loại hình công trình đường giao thông; đặc điểm dân cư tập trung dọc tuyến; hoạt động ảnh hưởng đến môi trường chủ yếu trong giai đoạn thi công, mang tính chất là các nguồn thải phân tán, quy mô nhỏ, ngắn hạn, cụ thể:

- Chuẩn bị mặt bằng thi công, san lấp mặt bằng: Chủ yếu phát sinh sinh khối thực vật, đất bề mặt.

- Vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng: Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải.

- Hoạt động thi công: Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải sinh hoạt; chất thải xây dựng; chất thải nguy hại; tiếng ồn; độ rung.

Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án nằm ngoài danh mục loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công, xây dựng

3.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

+ Nước mưa chảy tràn: Không liên tục, chỉ phát sinh vào ngày mưa; có khả năng mang chất ô nhiễm khi chảy tràn qua mặt bằng khu vực thi công và gây ngập cục bộ khu vực dân cư tập trung; tuy nhiên, đặc điểm dự án có xen kẽ khu vực đất canh tác nông nghiệp, có tiếp giáp kênh, sông nên nước mưa chảy tràn sẽ tiêu thoát nhanh.

+ Nước thải từ quá trình bơm cát san lấp mặt bằng: Phát sinh trong giai đoạn bơm cát (khoảng 06 tháng), lưu lượng 17,311 m³/ngày.đêm; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng cao; có khả năng gây ảnh hưởng đến các đối tượng sản xuất nông nghiệp, hộ dân tiếp giáp dọc tuyến Dự án.

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân với lưu lượng 1,28 m³/ngày.đêm; thành phần gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, các chất dinh dưỡng (nitơ, phốt pho) và vi sinh vật.

+ Nước thải từ hoạt động thi công xây dựng: Chủ yếu phát sinh từ hoạt động làm mát, vệ sinh các thiết bị, máy móc thi công trên công trường, lưu lượng phát sinh không thường xuyên và phụ thuộc vào độ bẩn thiết bị, máy móc, ... thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Phát sinh từ hoạt động san lấp mặt bằng, thi công; mang tính chất phân tán, không liên tục; thành phần chủ yếu là bụi vô cơ, hữu cơ, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (CO, NO_x, SO_x,...); đối tượng chịu tác động chủ yếu là dân cư tập trung dọc tuyến Dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ sinh hoạt của công nhân thi công, thành phần bao gồm các loại bao bì, vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa,...; khối lượng phát sinh khoảng 18 kg/ngày.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối thực vật: Chủ yếu là gốc cây, bụi cỏ,... có khối lượng 25.304,7m³.

+ Đất mặt phát sinh từ giai đoạn giải phóng mặt bằng trước khi thi công: Quá trình giải phóng mặt bằng thực hiện hoạt động nạo vét hữu cơ bề mặt (bề dày 20cm) phát sinh khối lượng đất mặt 2.517,2 m³; thành phần chủ yếu là đất sét lẫn bùn cát pha ít tập chất khác.

+ Phát sinh từ các hoạt động thi công xây dựng: Thành phần bao gồm các vật liệu xây dựng rơi vãi (đất, đá, gạch, bê tông,...), các loại bao bì chứa vật liệu và một số vật liệu kim loại vụn (sắt, thép),... khối lượng phát sinh 0,039 tấn/ngày.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải nguy hại: Phát sinh từ quá trình sử dụng, sửa chữa phương tiện thi công và hoạt động thi công; thành phần bao gồm: Bóng đèn hỏng; giẻ lau dính dầu, nhớt thải; dầu, nhớt thải; xỉ hàn khối lượng phát sinh khoảng 22 kg/tháng.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển; phương tiện thi công và hoạt động thi công.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Tác động chiếm dụng đất nông nghiệp, công trình và nhà ở: Chiếm dụng diện tích đất chuyên trồng lúa nước 0,8 ha; di dời trụ điện (05 trụ hạ thế và các trụ đèn chiếu sáng dọc tuyến do địa phương đầu tư), hệ thống cấp nước sinh hoạt dọc 02 bên tuyến đường; 450 hộ dân chịu tác động do giải phóng mặt bằng (300 hộ thiệt hại về đất; còn lại chủ yếu thiệt hại sân đường, công rào).

- Tác động đến tình hình an ninh trật tự trong khu vực: Quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và việc tập trung, lưu trú công nhân thi công có thể gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trong khu vực.

- Tác động đến hoạt động an toàn giao thông khu vực: Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, thi công gây ảnh hưởng giao thông tại khu vực Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý; điều chỉnh, hạn chế công việc xây dựng khi có mưa; tạo độ dốc trên mặt bằng thi công để thoát nước mưa dễ dàng.

+ Thu gom, dọn dẹp vật tư, đất đá tại công trình để hạn chế ảnh hưởng của nước mưa; máy móc được che đậy cẩn thận khi không còn sử dụng hoặc sau ca làm việc.

+ Tiến hành xây dựng các đoạn cống thoát nước trước hoặc song song khi tiến hành thi công phần đường chính nhằm tiêu thoát nước mưa tốt, không gây ngập úng cho khu vực xung quanh.

+ Tại những vị trí không có bố trí cống thoát nước, ưu tiên tạo rãnh thoát nước tạm về phía có cao độ thấp, tránh vị trí có công trình kiến trúc như nhà dân, hoa màu, đất sản xuất,..; hướng thoát nước được ưu tiên là kênh, sông tiếp giáp công trình.

- Nước thải từ quá trình bơm cát san lấp mặt bằng:

+ Thiết kế bờ bao cao 0,5m dọc theo tuyến Dự án, thực hiện các biện pháp an toàn, chống chảy tràn sang các khu vực xung quanh.

+ Thực hiện bơm cát theo đúng khối lượng san lấp và trình tự thực hiện. Phương án bơm cát đảm bảo không gây chảy tràn ảnh hưởng khu vực xung quanh;

nước thải từ hoạt động bơm cát đảm bảo thực hiện giải pháp lắng, lọc trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

+ Phương án thoát nước: Bố trí các rãnh thu nước tạm thời dọc khu vực bơm cát, dẫn về các hố thu (kích thước 0,5x0,5x0,5m) và thoát ra nguồn tiếp nhận (ống nhựa uPVC đường kính 400 mm; điểm thoát: Kênh Đa Hòa và sông Bãi Vàng). Định kỳ hàng ngày, thực hiện khơi thông các rãnh và hố thu.

+ Thời điểm thực hiện san lấp bố trí nhân viên theo dõi, giám sát, kiểm tra và xử lý kịp thời những điểm xung yếu trên tuyến, không để nước tràn khi bơm cát. Khi có dấu hiệu rò rỉ, chảy tràn, phải tạm dừng bơm cát, có phương án khắc phục ngay (bao tải cát, đắp đất, gia cố cừ tràm,...).

- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng nội quy công trình, tuyên truyền hướng dẫn công nhân xây dựng giữ gìn vệ sinh chung; phối hợp chặt chẽ với đơn vị thi công quản lý tốt công nhân xây dựng không gây mất vệ sinh chung; công nhân sử dụng chung nhà vệ sinh tại các cơ sở ăn uống, nghỉ ngơi và sinh hoạt tại gia đình.

- Nước thải từ hoạt động thi công: Thực hiện vệ sinh máy móc, thiết bị ngay tại công trình, lượng nước phát sinh tự thấm và tận dụng để tưới nền tại khu vực Dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng phương tiện thi công đảm bảo các yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng đúng với tải trọng, che chắn kín; thực hiện vệ sinh bánh xe phương tiện vận chuyển khi ra vào khu vực Dự án đảm bảo không để rơi vãi vật liệu đất, cát ra tuyến đường.

- Trong hoạt động cơ khí như hàn, cắt kim loại, công nhân được trang bị mặt nạ, găng tay, mũ bảo hộ,... theo đúng quy định.

- Phun nước để làm tăng độ ẩm và hạn chế khả năng phát sinh bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh bụi; tần suất thực hiện đảm bảo mặt bằng luôn duy trì độ ẩm, không phát sinh bụi.

- Bố trí vị trí nấu nhựa đường xa khu dân cư và các hộ dân theo hướng gió.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc theo quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 01 thùng chứa rác sinh hoạt 240 lít có nắp đậy tại khu vực lán trại để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh; ký hợp đồng với Hợp tác xã xây dựng môi trường Trà Vinh để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối thực vật: Thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

+ Đất mặt phát sinh từ giai đoạn giải phóng mặt bằng trước khi thi công: Tái sử dụng phục vụ mục đích san lấp nền đường của Dự án, không vận chuyển ra khỏi công trình.

+ Chất thải từ các hoạt động thi công xây dựng: Tuân thủ quản lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, cụ thể:

♦ Bao bì chứa vật liệu xây dựng, vật liệu bằng kim loại (sắt, thép vụn): Thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

♦ Các loại vật liệu hư hỏng trong quá trình xây dựng (gạch vụn, đất, đá,...): Thu gom và tái sử dụng san lấp nền, taluy đường.

♦ Bố trí kho lưu trữ 4m² tại khu vực lán trại.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện thu gom CTNH phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- Trang bị 02 thùng chứa CTNH loại 120 lít có nắp đậy kín (01 thùng chứa CTNH dạng rắn, 01 thùng chứa CTNH dạng lỏng), lưu trữ tại khu vực riêng trong lán trại và thuê đơn vị chức năng thu gom xử lý đúng quy định.

- Đảm bảo công tác quản lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Khảo sát hiện trạng nhà dân trước khi thi công để đề ra phương án sử dụng máy móc, thiết bị và phương án thi công hợp lý. Đảm bảo phương án thi công khả thi, hạn chế tối đa phát sinh ảnh hưởng từ tiếng ồn, độ rung.

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý và niêm yết theo quy định.

- Các phương tiện vận chuyển đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc theo quy định.

- Bố trí nhân viên theo dõi, quan sát hiện trạng công trình kiến trúc xung quanh khi tổ chức thi công; dừng thi công nếu ảnh hưởng đến công trình. Trường hợp phát sinh sự cố, phải rà soát điều chỉnh lại biện pháp thi công đảm bảo không gây ảnh hưởng đến công trình xung quanh.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Tác động chiếm dụng đất nông nghiệp, công trình, nhà ở và an ninh trật tự trong khu vực: Thực hiện công tác kiểm kê, bồi thường, hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng theo đúng quy định; quá trình thi công nhà thầu và chủ đầu tư kết hợp cùng với cơ quan quản lý ở địa phương trong công tác khai báo, quản lý công nhân nhằm phòng ngừa các vấn đề mất an ninh trật tự có thể xảy ra.

- Tác động đến tuyến đường dây tải điện: Hoàn thành di dời các trụ điện trước khi thực hiện thi công các công trình và phối hợp với cơ quan ngành điện lực thực hiện di dời trụ điện; trong thời gian di dời trụ điện, đảm bảo thực hiện phương án không làm gián đoạn việc sử dụng điện cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Tác động đến hoạt động an toàn giao thông khu vực:

+ Phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu phải chở đúng tải trọng, che phủ tránh vật liệu rơi vãi, bụi phát tán trong quá trình vận chuyển; phương tiện được kiểm định và bảo dưỡng theo định kỳ.

+ Lắp đặt các biển báo, đèn báo và bố trí người điều tiết giao thông, đặc biệt vào ban đêm.

+ Kết thúc thi công, thu dọn các chướng ngại vật đã bố trí trên công trường; sửa chữa các hư hỏng công trình do thi công gây ra (nếu có).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn thi công, xây dựng

5.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Số lượng mẫu giám sát: 03 mẫu.

- Vị trí giám sát: 03 vị trí, cụ thể:

+ 01 vị trí tại khu vực thi công tiếp giáp với cầu Đa Hòa 1 (KK01)

+ 01 vị trí tại khu vực thi công tiếp giáp với Đường tỉnh 915B (KK02).

+ 01 vị trí tại khu vực thi công tiếp giáp bến phà Bãi Vàng (KK03).

- Tần suất giám sát: Giám sát hiện trạng công trình xung quanh trong suốt quá trình thi công; giám sát lấy mẫu môi trường: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng, SO₂, NO₂, CO.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thành phần giám sát: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Khối lượng, công tác thu gom, phân loại và xử lý tại khu vực Dự án.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

5.3. Giám sát môi trường xung quanh:

Thực hiện giám sát chất lượng nước mặt:

- Số lượng mẫu giám sát: 02 mẫu.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí, cụ thể:

+ 01 vị trí trên kênh Đa Hòa khu vực dưới chân cầu Đa Hòa 1 (NM01).

+ 01 vị trí sông Bãi Vàng đoạn giao với sông Cỏ Chiên (NM02).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng, SO₂, NO₂, CO.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.4. Giám sát khác

- Giám sát việc tiêu thoát nước (từ hoạt động bơm cát; công trình tiêu thoát nước hiện hữu nằm trong khu vực thi công Dự án); sụt lún, xói lở đất, công trình trên toàn tuyến.

- Tần suất giám sát: thực hiện trong suốt giai đoạn thi công.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác: Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chịu trách nhiệm pháp lý về các số liệu đã sử dụng, thông tin về Dự án trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.2. Thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích khác theo đúng quy định.

6.3. Tổ chức, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, địa phương thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để triển khai Dự án đảm bảo theo đúng quy định; không để xảy ra tình trạng khiếu nại, khiếu kiện trong công tác giải phóng mặt bằng.

6.4. Đảm bảo việc sử dụng vật liệu đất mặt, vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng tại Dự án theo đúng quy định về khai thác, sử dụng khoáng sản.

6.5. Đảm bảo việc hoàn trả hệ thống cấp điện, cấp nước và cây xanh hiện hữu dọc tuyến dự án sau khi hoàn thành thi công Dự án.

6.6. Trong quá trình thi công phải theo dõi, giám sát chặt chẽ công tác thi công, đặc biệt là quá trình bơm cát san lấp mặt bằng; thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để quản lý chất thải từ hoạt động thi công (nước thải, chất thải rắn, bụi, khí thải,...); đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường; phòng ngừa, giảm thiểu những tác động đến khu vực xung quanh (giao thông, an ninh trật tự, cháy nổ,...); có phương án khắc phục khi có sự cố phát sinh tại khu vực Dự án.

6.7. Phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời, chất thải rắn xây dựng phải được quản lý đúng theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Chủ dự án thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi cơ quan quản lý theo đúng quy định.

6.8. Thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường; phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình quản lý, giám sát môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

6.9. Trong quá trình thực hiện, nếu Dự án phát sinh sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, sức khỏe của công nhân, đối tượng xung quanh hoặc các sự cố (đặc biệt là sự cố sạt lở bờ bao trong quá trình bơm cát, hư hại công trình) thì phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo, phối hợp xử lý; thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định (nếu có)/.